

KHẢO SÁT HỌC SINH VỀ VIỆC SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP ĐÓNG VAI TRONG DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 7

Nguyễn Thị Loan¹,
Phan Thị Lệ Dung^{2,+}

¹Trường Thực nghiệm Khoa học Giáo dục - Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam;
²Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
+Tác giả liên hệ • Email: dungptl@hnue.edu.vn

Article history

Received: 25/7/2023

Accepted: 15/9/2023

Published: 20/10/2023

Keywords

Role-play technique, 7th grade, civic education, teaching

ABSTRACT

Using appropriate methods is essential in teaching to achieve the optimal learning outcomes. For the subject of Civic Education in lower secondary school, role-playing is an appropriate and effective teaching technique, helping students to actively and confidently participate in the lesson, memorize and apply knowledge in practice. The results of the survey on students' opinions of the relationship between the use of role-playing technique and the learning effectiveness of the Citizenship Education subject, Grade 7 at the School of Experimental Educational Sciences, Ba Dinh District, Hanoi underscore the positive impact of the very technique on learning psychology, creative thinking and students' learning results. Using the role-play technique in Citizenship Education is essential to develop students' confidence, create interest, improve learning efficiency and knowledge application in practice.

1. Mở đầu

Thế giới đang thay đổi nhanh chóng, cùng với những tiến bộ của khoa học công nghệ đã ảnh hưởng sâu sắc đến các phương thức học tập, giảng dạy và đánh giá kết quả trong giáo dục phổ thông. Các phương pháp giảng dạy hiệu quả có thể giúp HS tăng cường tư duy và sự nhiệt tình, tích cực tham gia vào các lớp học (Darling-Hammond, 2016). Ngoài ra, kỹ năng tư duy phản biện được coi là một công cụ quan trọng để phát triển trí tuệ của HS. Tuy nhiên, trọng tâm giáo dục phổ thông ở Việt Nam là làm cho HS tham gia học tập tích cực và cải thiện khả năng tư duy phản biện. Các phương thức học tập và giảng dạy truyền thống có thể hạn chế sự phát triển về kỹ năng tư duy phản biện và khả năng của HS (Rayner, 2007). Hiện nay, việc phát triển tính sáng tạo của HS chưa nhận được sự quan tâm đúng mức của GV. Thực tế cho thấy phần lớn HS chưa thể hiện được những đặc điểm chính của người sáng tạo. Trường Thực nghiệm Khoa học Giáo dục, thuộc Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, quận Ba Đình, TP. Hà Nội là một trong những trường phổ thông tiên phong trong việc áp dụng các mô hình dạy học mới nhằm phát triển năng lực người học, với mục tiêu là “đi học là hạnh phúc” và “mỗi ngày tới trường là một ngày vui”. Mặc dù vậy, hiệu quả dạy học vẫn chưa được như mong muốn. Do đó, nghiên cứu này với mục tiêu khảo sát quan điểm của HS về: mối quan hệ giữa việc sử dụng phương pháp đóng vai (PPĐV) với hiệu quả trong dạy học; những giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng PPĐV trong dạy học, góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Giáo dục công dân (GDCCD) lớp 7.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Sử dụng phương pháp đóng vai trong dạy học môn Giáo dục công dân lớp 7

Theo Từ điển tiếng Việt: “Đóng vai là thể hiện nhân vật trong kịch bản lên sân khấu hay màn ảnh bằng cách hành động, nói năng như thật” (Hoàng Phê và cộng sự, 1992, tr 337). Theo Nguyễn Văn Cư và Nguyễn Duy Nhiên (2008), “đóng vai” là phương pháp tổ chức cho HS thực hành một số cách ứng xử nào đó trong tình huống giả định để nắm vững nội dung bài học. PPĐV có thể giúp HS thực hành, rèn luyện kỹ năng ứng xử và bày tỏ thái độ trong môi trường an toàn trước khi thực hành trong thực tế cuộc sống trong bối cảnh có sự đánh giá, góp ý, nhận xét, điều chỉnh, kết luận của GV và những người tham gia sẽ giúp cho HS rút kinh nghiệm cho bản thân, hiểu được vấn đề và thực hiện các hành vi đúng, tránh được những hành vi sai lầm mà tình huống câu chuyện đã đề cập (Phạm Việt Thắng, 2017). Tác giả Phan Thị Thanh Hội (2017) cho rằng: Đóng vai là một phương pháp dạy học trong đó người học thực hiện vai diễn trong một tình huống hay một vở kịch nào đó gắn liền với nội dung dạy học trong một bối cảnh thực tiễn. Thông qua việc đóng vai, người học được đặt mình vào nhân vật, ứng xử như nhân vật và qua đó vừa hình thành kiến thức, phát triển các kỹ năng động thời hình thành thái độ với một vấn đề nào đó.

PPĐV cho phép HS đóng các tình huống tưởng tượng có liên quan đến cuộc sống thực của các em, mục đích là giúp các em hiểu rõ bản thân, cải thiện kỹ năng giải quyết vấn đề, phân tích hành vi của chính mình và chứng minh cho người khác thấy nên cư xử như thế nào (Bullough và Stokes, 1994). PPĐV đã đem lại nhiều hữu ích: (1) Khám phá cảm xúc của HS; (2) Chuyển giao và hiện thực hóa các lí thuyết về hành vi, giá trị và nhận thức của HS; (3) Cải thiện kỹ năng giải quyết vấn đề. Một nghiên cứu đã phát hiện ra HS lớp 7 được dạy học bằng PPĐV đã tiến bộ vượt trội về kỹ năng nói và tính sáng tạo so với dạy bằng phương pháp truyền thống (Krisnayanti et al., 2013).

Chương trình giáo dục phổ thông môn GDCD chú trọng tích hợp các nội dung giáo dục trong nội bộ môn học về kỹ năng sống, đạo đức, pháp luật, kinh tế và tích hợp nhiều chủ đề giáo dục cần thiết như: môi trường, bình đẳng giới, di sản văn hoá, phòng chống tệ nạn xã hội, tài chính,... Những nội dung này gắn bó chặt chẽ với cuộc sống thực tiễn của HS, gắn liền với các sự kiện có tính thời sự trong đời sống đạo đức, pháp luật, kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội của địa phương, đất nước và thế giới; góp phần hình thành, phát triển ở HS các phẩm chất chủ yếu và các năng lực của người công dân Việt Nam, đặc biệt là năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân, năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động KT-XH. Ở cấp THCS là giúp HS có hiểu biết về những chuẩn mực đạo đức, pháp luật cơ bản và giá trị, ý nghĩa của các chuẩn mực đó; tự hào về truyền thống gia đình, quê hương, dân tộc; tôn trọng, khoan dung, quan tâm, giúp đỡ người khác; tự giác, tích cực học tập và lao động; có thái độ đúng đắn, rõ ràng trước các hiện tượng, sự kiện trong đời sống; có trách nhiệm với bản thân, gia đình, nhà trường, xã hội, công việc và môi trường sống (Bộ GD-ĐT, 2018). Có thể thấy, PPĐV rất phù hợp với quan điểm và mục tiêu chương trình môn GDCD ở cấp THCS. Dạy học bằng PPĐV không chỉ dừng lại ở việc đóng kịch, bởi nó bao gồm việc xác định, lựa chọn kiến thức, xây dựng kịch bản, phân vai và thể hiện vai diễn. Điều quan trọng hơn là từ việc đóng kịch ấy rút ra bài học về nhận thức, thái độ và kỹ năng cho người học - đây là những lợi thế trong dạy học môn GDCD bằng PPĐV (Phạm Việt Thắng, 2017).

2.2. Khái quát chung về khảo sát

- *Đối tượng khảo sát:* 127 HS thuộc lớp 7A (40 HS), 7B (40 HS), 7C (47 HS) học môn GDCD tại Trường Thực nghiệm Khoa học Giáo dục đồng ý tham gia nghiên cứu.

- *Thời gian khảo sát:* từ tháng 12/2022 đến tháng 6/2023.

- *Phương pháp khảo sát:* + Thiết kế nghiên cứu: Là một thiết kế mô tả cắt ngang, cho phép thu thập đầy đủ các thông tin của đối tượng khảo sát về quan điểm sử dụng và biện pháp nâng cao hiệu quả PPĐV trong dạy - học môn GDCD lớp 7; + Phương pháp nghiên cứu thử nghiệm được sử dụng để xem xét trực tiếp ảnh hưởng của một biến số đến các biến số khác và kiểm định giả thuyết về mối quan hệ nhân quả.

- *Công cụ nghiên cứu và xử lí số liệu:* sử dụng bảng câu hỏi và quan sát trực tiếp để thu thập thông tin của HS về giảng dạy sử dụng PPĐV. Bảng câu hỏi đã được xác thực thông qua quy trình đánh giá của 3 chuyên gia về giảng dạy môn GDCD. Độ tin cậy của bảng câu hỏi: chỉ số Cronbach's Alpha của bộ câu hỏi này là 0,734, được chấp nhận tốt. Số liệu được nhập, làm sạch bằng phần mềm Excel và xử lí bằng phần mềm SPSS 20.0. Các biến được thể hiện dưới dạng trung bình (mean), độ lệch chuẩn (SD), số lượng (SL) và tỉ lệ phần trăm (%). So sánh các giá trị trung bình theo các thuật toán Independent T- test. Giá trị $p < 0,05$ được xem là có ý nghĩa thống kê khi kiểm định.

2.3. Kết quả khảo sát

2.3.1. Khảo sát việc học sinh tham gia phát biểu ý kiến và tương tác trong lớp học

Bảng 1. Ý kiến của HS về việc tham gia phát biểu ý kiến và tương tác trong lớp học

Biến số	Nhóm thử nghiệm (n=127)			
	SL	Tỉ lệ (%)	Mean±SD	
HS tích cực tham gia phát biểu ý kiến trong lớp học	Rất đồng ý (4 điểm)	74	58,27	3,42±0,76
	Đồng ý (3 điểm)	32	25,20	
	Không đồng ý (2 điểm)	21	16,54	
	Rất không đồng ý (1 điểm)	0	0,00	
HS có cơ hội tương tác trong giờ học	Rất đồng ý (4 điểm)	64	50,39	3,14±1,04
	Đồng ý (3 điểm)	31	24,41	
	Không đồng ý (2 điểm)	18	14,17	
	Rất không đồng ý (1 điểm)	14	11,02	

Kết quả khảo sát ở bảng 1 cho thấy, tỉ lệ HS rất đồng ý với quan điểm “HS tích cực tham gia phát biểu ý kiến trong lớp học” chiếm tỉ lệ cao nhất (58,27%). Theo thang đo Likert 4 mức độ, với điểm trung bình là 3,42±0,76, tương ứng với lựa chọn “đồng ý” HS tích cực tham gia phát biểu ý kiến; tỉ lệ HS rất đồng ý “HS có cơ hội tương tác

trong giờ học” chiếm tỉ lệ cao nhất (50,39%), điểm trung bình là $3,14 \pm 1,04$, tương ứng với mức đồng ý “HS có cơ hội tương tác trong lớp”.

2.3.2. Nhu cầu sử dụng phương pháp đóng vai để học môn Giáo dục công dân

Bảng 2. Ý kiến của HS về nhu cầu sử dụng PPDV để học môn GDCD (n=127)

Biến số	Nhu cầu sử dụng PPDV		Mean±SD
	SL	Tỉ lệ (%)	
Rất cần thiết (5 điểm)	36	28,35	3,60±1,22
Khá cần thiết (4 điểm)	38	29,92	
Cần thiết (3 điểm)	28	22,05	
Ít cần thiết (2 điểm)	16	12,60	
Không cần thiết (1 điểm)	9	7,09	

Kết quả khảo sát ở bảng 2 cho thấy, ý kiến của HS là PPDV rất cần thiết (28,35%) và khá cần thiết (29,92%) chiếm tỉ lệ cao hơn cả; điểm trung bình là $3,60 \pm 1,22$, ở mức khá cần thiết theo thang đo Likert 5 mức độ.

2.3.3. Lợi ích khi sử dụng phương pháp đóng vai trong dạy học môn Giáo dục Công dân

Bảng 3. Ý kiến của HS về lợi ích của PPDV trong dạy học môn GDCD

Biến số	SL	Tỉ lệ (%)	Mean±SD	
Tiết kiệm thời gian học bài	Tiết kiệm rất nhiều (5 điểm)	38	29,92	3,50±1,34
	Tiết kiệm khá nhiều (4 điểm)	32	25,20	
	Tiết kiệm nhiều (3 điểm)	26	20,47	
	Ít tiết kiệm (2 điểm)	17	13,39	
	Không tiết kiệm (1 điểm)	14	11,02	
Phát triển kỹ năng tương tác	Hoàn toàn đồng ý (5 điểm)	46	36,22	3,97±0,97
	Khá đồng ý (4 điểm)	42	33,07	
	Đồng ý (3 điểm)	28	22,05	
	Không đồng ý (3 điểm)	11	8,66	
	Hoàn toàn không đồng ý (1 điểm)	0	0,00	
Số lượng HS tham gia đóng vai trong giờ GDCD	Khá nhiều (4 điểm)	62	48,82	3,22±0,90
	Nhiều (3 điểm)	37	37,01	
	Ít (2 điểm)	22	9,45	
	Rất ít (1 điểm)	6	4,72	

Kết quả khảo sát ở bảng 3 cho thấy, tỉ lệ quan điểm về sử dụng PPDV tiết kiệm thời gian học bài rất nhiều (29,92%) và tiết kiệm nhiều (25,20%) là chiếm đa số; điểm trung bình là $3,50 \pm 1,34$ cho thấy PPDV tiết kiệm khá nhiều thời gian học bài cho HS. Tỉ lệ HS hoàn toàn đồng ý (36,22%) và khá đồng ý (33,07%) với việc PPDV giúp phát triển kỹ năng tương tác là cao hơn cả. Chỉ số điểm trung bình là $3,97 \pm 0,97$ cho thấy mức độ khá đồng ý với PPDV phát triển kỹ năng tương tác theo thang đo Likert 5 mục. Tỉ lệ HS tham gia đóng vai trong lớp khá nhiều (48,82%) và nhiều (37,01%) chiếm đa số; số điểm trung bình là $3,22 \pm 0,90$ cho thấy nhiều HS tham gia đóng vai trong lớp học.

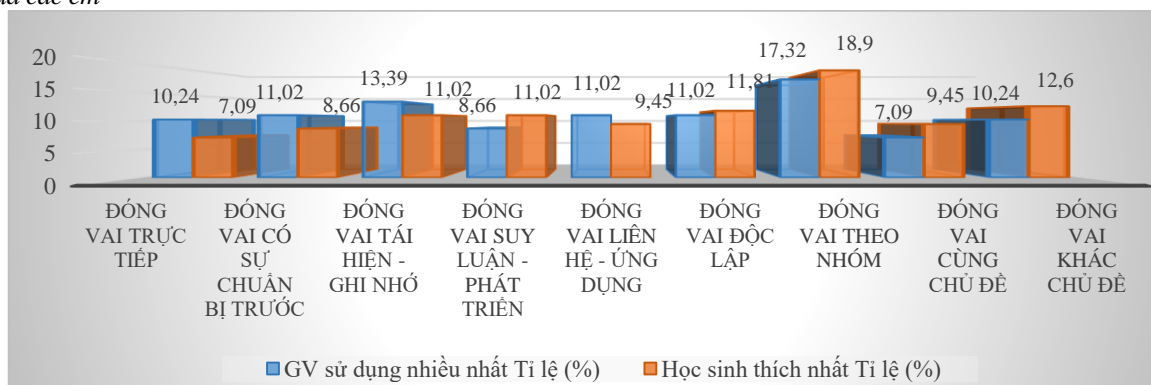
2.3.4. Hiệu quả sử dụng phương pháp đóng vai trong dạy học môn Giáo dục Công dân

Bảng 4. Ý kiến của HS về hiệu quả sử dụng PPDV

Nội dung	Tỉ lệ (%)
Nâng cao động lực và hứng thú cho HS	71.17
Giúp HS hiểu và tăng cường kiến thức	81.10
Đưa bối cảnh văn hóa vào lớp học môn GDCD	59.06
Tạo điều kiện cho HS học môn GDCD tốt hơn	85.04
Tạo cơ hội cho HS thực hành các tình huống trong bài giảng và tự tin hơn	82.86

Kết quả khảo sát ở bảng 4 cho thấy, quan điểm PPDV trong lớp học đều ở cả 5 nội dung đều được HS đánh giá hiệu quả rất cao; cao nhất là “Tạo điều kiện cho HS học môn GDCD tốt hơn” (85,04%), tiếp đến là “Tạo cơ hội cho HS thực hành các tình huống trong bài giảng và tự tin hơn” (82,86%) và “Giúp HS hiểu và tăng cường kiến thức” (81,10%); thấp nhất là “Đưa bối cảnh văn hóa vào lớp học môn GDCD” (59,06%). PPDV giúp “Nâng cao động lực và hứng thú cho HS” cũng được các em đánh giá với 71.17%.

2.3.5. Ý kiến của học sinh về hoạt động đóng vai được giáo viên sử dụng trong môn Giáo dục công dân và cảm nhận của các em



Biểu đồ 1. Ý kiến của HS về việc GV sử dụng hình thức PPDV (n=127)

Kết quả khảo sát ở biểu đồ 1 cho thấy, HS cho rằng GV sử dụng đóng vai theo nhóm chiếm tỉ lệ cao nhất (17,32%), tiếp đến là đóng vai tái hiện - ghi nhớ (13,39%), thấp nhất là PPDV đóng vai suy luận - phát triển (8,66%). HS thích nhất là đóng vai theo nhóm (18,9%), tiếp đến là đóng vai khác chủ đề (12,6%) và đóng vai độc lập (11,81%). Thấp nhất là đóng vai trực tiếp (7,09%). Về hoạt động đóng vai trong lớp, qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy, HS thích tham gia đóng vai tự chọn trong lớp là cao nhất (72 HS, chiếm 56,69%), so với 55 HS (chiếm 43,31%) thích được GV giao vai diễn. Qua khảo sát, chúng tôi thu được kết quả: tỉ lệ HS thích học môn GDCD có sử dụng PPDV trong rất cao (88,98%) so với 11,02% HS không thích phương pháp này trong môn học.

2.3.6. Vai trò của giáo viên trong giờ học sử dụng phương pháp đóng vai

Bảng 5. Ý kiến của HS về vai trò của GV trong giờ học sử dụng PPDV

Biến số	Quan điểm của HS	
	SL	Tỉ lệ (%)
Người hỗ trợ	109	85,83
Người hướng dẫn	107	84,25
Là bạn bè	96	75,59
Hành động khác	84	66,14

Kết quả khảo sát ở bảng 5 cho thấy, quan điểm của HS về cả 4 vai trò của GV đều khá cao, trong đó, HS cho rằng, GV có vai trò là người hỗ trợ chiếm tỉ lệ cao nhất (85,83%), tiếp đến vai trò người hướng dẫn (84,25%), vai trò là bạn bè (75,59%), thấp nhất là vai trò khác (66,14%). Như vậy, có thể thấy, HS rất chủ động trong việc tham gia vào hoạt động đóng vai trong giờ GDCD và được GV hỗ trợ, hướng dẫn rất tốt.

2.3.7. Đề xuất của học sinh về việc tăng cường hiệu quả sử dụng phương pháp đóng vai trong giờ học Giáo dục công dân

Bảng 6. Đề xuất của HS về tăng cường hiệu quả sử dụng PPDV trong giờ học GDCD

Biến số	Quan điểm của HS	
	SL	Tỉ lệ (%)
Gắn với thực tế	98	71,17
Đa dạng và sinh động hơn	97	76,38
Cho HS chủ động hơn	103	81,1
Tăng giờ dạy sử dụng PPDV	106	83,46

Kết quả khảo sát ở bảng 6 cho thấy, HS đề xuất 4 phương pháp tăng cường hiệu quả sử dụng PPDV trong giờ học GDCD gồm: tỉ lệ cao nhất là tăng giờ dạy hơn cho PPDV (83,46%), tiếp đến là cho HS chủ động hơn (81,10%), gắn với thực tế (77,17%) và thấp nhất là cần đa dạng và sinh động hơn (76,38%), cho thấy mức độ quan tâm và hứng thú của các em trong hoạt động này là rất cao.

2.4. Đánh giá chung và bàn luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy:

- HS thích hình thức dạy học theo phương pháp này chiếm tỉ rất cao (88,98%). HS cho rằng PPDV khá cần thiết cho giảng dạy môn GDCD, tiết kiệm thời gian học bài khá nhiều, giúp phát triển kỹ năng tương tác của HS. Thực tế là khi hoạt động đóng vai kết thúc, rõ ràng là những HS trước đây nhút nhát tỏ ra tự tin hơn, một số kỹ năng giao tiếp

được cải thiện, tăng cường tương tác với bạn bè. Những hình thức tương tác giữa HS - HS và GV - HS trong đóng vai giúp tăng cường giao tiếp trong lớp học. PPĐV cũng phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề của HS nhờ mô phỏng các tình huống thực tế - cho phép phản ánh kinh nghiệm học tập cá nhân và sau đó khuyến khích áp dụng các kỹ năng tư duy phản biện, xây dựng lập luận hiệu quả dựa trên kiến thức thu được từ bài giảng (Choy & Cheah, 2009).

- *Phản hồi từ HS về hiệu quả sử dụng PPĐV trong giờ học GDĐD phần lớn là tích cực.* Hoạt động này đã giúp HS chủ động tham gia vào bài học, tạo cơ hội cho các em liên hệ lí thuyết đã học trên lớp với thực tiễn - kết quả này nhất quán với các nghiên cứu của Kusnierek (2015) về việc đóng vai khuyến khích tương tác ngang hàng; HS có thể học bằng cách tương tác với các HS khác thay vì chỉ với GV. Như vậy, đóng vai trở thành một chiến lược tốt để mô phỏng, trong đó các em được tạo điều kiện để ứng biến về ngôn ngữ trong thuyết trình; HS có cơ hội sử dụng kiến thức, phát huy khả năng sáng tạo (Arham et al., 2016).

Đóng vai là một phương pháp mang lại một môi trường học tập không căng thẳng, tăng sự tự tin của HS, khơi gợi động cơ học tập của HS, tạo ra môi trường học tập “lấy HS làm trung tâm”. Đây được coi là một cách học ngôn ngữ giao tiếp hiệu quả, thúc đẩy kỹ năng thuyết trình của người học vì HS tích cực tham gia vào các cuộc đối thoại. Phát hiện này phù hợp với nghiên cứu của Altun (2015). Học tập theo phương pháp này, HS buộc phải là người học tích cực, trở thành trung tâm của việc học; do đó, đóng vai là phương pháp phù hợp mà GV cần sử dụng trong dạy học (Fadilah, 2016). PPĐV làm cho quá trình dạy - học trở nên thú vị hơn, thu hút người học vào một môi trường vui vẻ, tránh sự ganh đua và cạnh tranh không lành mạnh, tạo ra bầu không khí thích hợp hơn cho việc học tập (Gass & Mackey, 2006); do đó, đây là một phương pháp dạy học tích cực cần được phổ biến và nhân rộng ở các cơ sở giáo dục nói chung và các trường trung học nói riêng.

- *Sử dụng PPĐV làm tăng kết quả học tập.* Sau thử nghiệm, tỉ lệ HS xuất sắc cao hơn hẳn so với trước thử nghiệm. Nhiều nghiên cứu cũng chỉ ra có sự khác biệt đáng kể giữa dạy học bằng PPĐV với giảng dạy truyền thống (Fernandez-Batanero et al., 2019). Việc sử dụng PPĐV đã tạo ra thái độ tích cực đối với việc học, làm tăng do mức độ tập trung, động lực, tương tác với nội dung, tính tự chủ, sự hợp tác giữa các HS, khả năng tự điều chỉnh của bản thân và tính sáng tạo trong quá trình học; phát triển năng khiếu ở HS và tác động tích cực đến hiệu quả học tập của họ (Coanda & Aupers, 2020; Antonio-José et al., 2020).

- *Quan điểm của HS về nâng cao hiệu quả PPĐV:* GV nên sử dụng PPĐV với nhiều hình thức đóng vai phong phú, nhất là hình thức đóng vai tự chọn chủ đề, đóng vai theo nhóm; tiếp đến là PPĐV đóng vai tái hiện - ghi nhớ và đóng vai suy luận - phát triển. GV cũng cần dành nhiều thời gian hơn cho giảng dạy bằng PPĐV và tạo ra môi trường thoải mái cho HS chủ động chọn vai. Điều này cũng tương tự như nghiên cứu của Waters và Leung (2013) - PPĐV có thể được sử dụng như một chiến lược giảng dạy hiệu quả để nâng cao trải nghiệm học tập của HS, giúp GV hiểu rõ hơn về vai trò của mình trong lớp, tạo hứng thú và hiệu quả học tập cho HS trong lớp học (Yorke, 2003). Các nghiên cứu khác cũng ủng hộ cách tiếp cận áp dụng PPĐV tập trung vào HS (Tian và Martin, 2014).

- *GV cần ý thức rõ trách nhiệm của mình trong việc hỗ trợ HS học tập tốt nhất trên các vai trò khác nhau như người hỗ trợ, người hướng dẫn, là bạn bè.* Để tăng cường hiệu quả sử dụng PPĐV, GV cần dành nhiều thời gian hơn cho hoạt động này, tạo ra nhiều nội dung đóng vai sinh động, gắn với thực tế, tạo cơ hội cho HS chủ động, sáng tạo trong việc sử dụng kiến thức môn học vào các tình huống vai diễn, chú trọng đưa bối cảnh văn hóa vào lớp học môn GDĐD, giúp các em nhanh hiểu bài, ghi nhớ kiến thức và vận dụng hiệu quả vào thực tiễn.

3. Kết luận

Sử dụng PPĐV là một hướng đi phù hợp và mang lại nhiều lợi ích quan trọng trong việc dạy học môn GDĐD lớp 7, giúp HS cải thiện đáng kể sự thích thú trong học tập, khiến HS tham gia học tập tích cực hơn. Việc thực hiện đóng vai trong lớp đã thu hút HS tham gia vì các em được hoạt động chủ động, thoải mái, tự tin hơn thay vì chỉ ngồi ghi chép tương tác 1 chiều từ GV. Để hoạt động đóng vai được thực hiện hiệu quả, đáp ứng mục tiêu theo kế hoạch, GV cần phải hiểu rất rõ về các chủ đề của học phần, thiết lập một môi trường trong lớp học thuận lợi cho HS tiếp thu các kỹ năng tư duy phản biện thông qua học tập tích cực. Chúng tôi tin rằng việc áp dụng PPĐV vào môn học GDĐD là điều cần thiết để phát triển khả năng tự tin, tạo hứng thú trong học tập, tạo ra các tình huống mà HS kì vọng có thể giúp đỡ và tương tác với nhau, thảo luận và tranh luận cùng nhau, đánh giá và trình bày kiến thức của bản thân.

Tài liệu tham khảo

Altun, M. (2015). Using role-play activities to develop speaking skills: A case study in the language classroom. *International Journal of Social Sciences and Educational Studies*, 1(4), 27-33.

- Antonio-José, M-G., Carmen R-J., Gerardo G-G. & Magdalena, R. N-P. (2020) Educational Innovation in Higher Education: Use of Role Playing and Educational Video in Future Teachers' Training. *Sustainability*, 12, 2558; <https://doi.org/10.3390/su12062558>
- Arham, R., Yassi, A. H., & Arafah, B. (2016). The Use of Role Play to Improve Teaching Speaking. *International Journal of Scientific and Research Publications*, 6(3), 239-241.
- Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Giáo dục công dân* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Bullough, Jr. R. V., & Stokes, D. K. (1994). Analyzing personal teaching metaphors in preservice teacher education as a means for encouraging professional development. *American Educational Research Journal*, 31(1), 197-224.
- Choy, S. & Cheah, P. (2009). Teacher perceptions of critical thinking among students and its influence on higher education. *International Journal of Teaching and Learning in Higher Education*, 20, 198-206.
- Coanda, I., & Aupers, S. (2020) Mechanisms of Disclosure: A Socio-technical Perspective on Sociality in Massively Multiplayer Online Role-playing Games. *Telev. New Media*, 21, 315-333.
- Darling-Hammond, L. (2016). Research on teaching and teacher education and its influences on policy and practice. *Educational Researcher*, 45(2), 83-91.
- Fadilah, F. (2016). Teaching speaking by role-play activity. *OKARA: Jurnal Bahasa dan Sastra*, 10(2), 209-216.
- Fernandez-Batanero, J. M., Cabero, J., & López, E. (2019). Knowledge and degree of training of primary education teachers in relation to ICT taught to students with disabilities. *British Journal of Educational Technology*, 50, 1-18.
- Gass, S., & Mackey, A (2006). Input, Interaction and Output: an Overview. *AILA Review*, 19, 3-17.
- Hoàng Phê (chủ biên, 1992). *Từ điển tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng.
- Krisnayanti, P. D., Sudiana, N., & Marhaeni, A. (2013). Pengaruh implementasi metode pembelajaran bermain peran terhadap kemampuan berbicara dan kreativitas peserta didik dalam pembelajaran bahasa indonesia. *eJournal Program Pascasarjana Universitas Pendidikan Ganesha Jurusan Pendidikan Dasar*, 3(1), 1-9.
- Kuśnierek, A. (2015). Developing students' speaking skills through role-play. *World Scientific News*, 7, 73-111.
- Nguyễn Văn Cư, Nguyễn Duy Nhiên (đồng chủ biên, 2008). *Dạy và học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông - những vấn đề lý luận và thực tiễn*. NXB Đại học Sư phạm.
- Phạm Việt Thắng (2017). Vận dụng phương pháp đóng vai trong dạy học môn giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông hiện nay. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, 62(9), 213-222.
- Phan Thị Thanh Hội (2017). Vận dụng phương pháp đóng vai dạy học tích hợp bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học môn Sinh học cấp trung học cơ sở. *Tạp chí Giáo dục*, 404, 50-53.
- Rayner, S. (2007). A teaching elixir, learning chimera or just fool's gold? Do learning styles matter?. *Support for Learning*, 22(1), 24-30.
- Tian, X., & Martin, B. (2014). Curriculum design, development and implementation in a transnational higher education context. *Journal of Applied Research in Higher Education*, 6(2), 190-204.
- Waters, J., & Leung, M. (2013). A colourful university life? Transnational higher education and the spatial dimensions of institutional social capital in Hong Kong. *Population, Space and Place*, 19(2), 155-167.
- Yorke, M. (2003). Formative assessment in higher education: Moves towards theory and the enhancement of pedagogic practice. *Higher Education*, 45(4), 477-501.